

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số tỉnh Cao Bằng năm 2026

Thực hiện Công văn số 5511/BKHCN-CĐSQG ngày 10/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Cao Bằng ban hành Kế hoạch chuyển đổi số năm 2026, cụ thể như sau:

PHẦN I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2025

I. Tình hình thực hiện các chỉ tiêu, mục tiêu năm 2025

1. Mục tiêu chung:

- Triển khai đầu tư, nâng cấp hạ tầng số; Mở rộng, điều chỉnh các hệ thống nền tảng đảm bảo hoạt động chính quyền địa phương theo mô hình 02 cấp, đáp ứng xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số tại địa phương; triển khai kho dữ liệu dùng chung cấp tỉnh làm nền tảng cơ bản cho tiến trình chuyển đổi số; Việc triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dùng chung giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia của các bộ, ngành thực hiện thường xuyên theo chỉ đạo, hướng dẫn của các cơ quan Trung ương.

- Nhiệm vụ xây dựng chính quyền số đã thực hiện đồng bộ, tổng thể trên cơ sở kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu một cách an toàn, linh hoạt, ổn định, hiệu quả, phù hợp, được vận hành an toàn, đáp ứng hoạt động cung cấp dịch vụ công của cơ quan nhà nước có hiệu quả hơn.

- Mục tiêu nâng cao kết quả thực hiện và thứ hạng chỉ số chuyển đổi số (DTI) của tỉnh năm 2025 đã triển khai. Tuy nhiên kết quả chưa hoàn thành so với mục tiêu đã đề ra.

- Việc cung cấp, sử dụng dịch vụ công trực tuyến đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau đã được triển khai quyết liệt, tỷ lệ tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công trực tuyến đã được nâng cao; Đặc biệt, từ ngày 01/7/2025, Cổng Dịch vụ công tỉnh Cao Bằng được tích hợp với Cổng Dịch vụ công Quốc gia, hình thành Hệ thống “Một cửa duy nhất” và việc sử dụng tài khoản định danh điện tử VNeID để truy cập Cổng Dịch vụ công Quốc gia đã tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong quá trình nộp hồ sơ trực tuyến.

- Một số lĩnh vực ưu tiên như du lịch, nông nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, y tế, giáo dục đã được đẩy mạnh triển khai, tỉnh cũng đã tập trung, ưu tiên nguồn lực cho hoạt động chuyển đổi số trong các lĩnh vực ưu tiên; Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chuyển đổi số, an toàn thông tin tại địa phương được thực hiện thường xuyên gồm cả hình thức trực tuyến và trực tiếp, nhất là trong giai đoạn chuẩn bị cho hoạt động của chính quyền địa phương theo mô hình 02 cấp.

- Hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt đã được thúc đẩy mạnh mẽ với việc phối hợp triển khai của Ngân hàng nhà nước địa bàn tỉnh Cao Bằng, các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin với hình thức thanh toán chủ yếu qua mã QR.

2. Các mục tiêu cụ thể.

- Hoàn thành “100% văn bản của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố (cũ), UBND cấp xã đã được luân chuyển trong nội bộ cơ quan và đơn vị trực thuộc dưới dạng điện tử (bao gồm cả các văn bản gửi song song cùng văn bản giấy)”.

- Trên “97% văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước trong tỉnh được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật”.

- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đã được thiết kế lại, tái cấu trúc đảm bảo hoạt động theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và tích hợp trên Công dịch vụ công quốc gia. Hệ thống đã hoàn thành kết nối với CSDL quốc gia về dân cư và hệ thống định danh điện tử VNEID của Bộ Công an.

- Hoàn thành mục tiêu “tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số hồ sơ đạt từ 80% trở lên; tối thiểu 95% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính”.

- Hoàn thành 100% thông tin được cung cấp trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị theo quy định.

- Hoàn thành “Tối thiểu 60% các nền tảng số của quốc gia được nghiên cứu, xem xét sự phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh để giới thiệu, hỗ trợ triển khai và ứng dụng cho các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh”.

- Trên 95% máy tính của cán bộ, công chức, viên chức được cài đặt phần mềm phòng chống, mã độc; tối thiểu 50% các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh được giám sát an toàn thông tin. Từ ngày 01/3/2025 nhiệm vụ triển khai đảm bảo an toàn thông tin mạng, phòng chống mã độc đã được bàn giao sang Công an tỉnh quản lý, các nhiệm vụ triển khai này đang được thực hiện.

- Tối thiểu 80% hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất. Mục tiêu này đang triển khai và hoàn thành với các hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan nhà nước được thực hiện trên Hệ thống quản lý văn bản, điều hành của tỉnh.

- Tối thiểu 60% hoạt động giám sát, kiểm tra của cơ quan quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý. Hoạt động giám sát đã được triển khai thông qua Hệ thống quản lý văn bản, điều hành của tỉnh, hệ thống báo cáo của tỉnh.

- Ít nhất 70% dữ liệu quản lý của các cơ quan nhà nước được số hóa, chuẩn hóa, đáp ứng các yêu cầu sẵn sàng tích hợp, kết nối, chia sẻ và lưu trữ tập trung trên nền tảng điện toán đám mây: Đang triển khai thực hiện, tuy nhiên vẫn còn vướng mắc do việc xây dựng, quản lý, tạo lập dữ liệu số hóa của các cơ quan nhà nước còn chưa thực sự được quan tâm, các hoạt động xây dựng CSDL còn chưa tập trung, thống nhất và đồng bộ.

- Tối thiểu 80% các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, hạ tầng mạng viễn thông, công nghệ thông tin sẵn sàng đáp ứng cho chuyển đổi địa chỉ IPv4 sang địa chỉ IPv6: Đang thực hiện.

- Tối thiểu 90% các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quan trọng được phê duyệt cấp độ an toàn thông tin và triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ: Đang triển khai thực hiện, trong đó từ ngày 01/3/2025 nhiệm vụ phê duyệt cấp độ an toàn thông tin đã chuyển giao sang Công an tỉnh chủ trì.

- Việc được bồi dưỡng hoặc tự bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức đang được triển khai thực hiện.

- Hoàn thành “95% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 85% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung bí mật nhà nước)”.

- Hoàn thành “100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội được thực hiện trực tuyến và liên thông với hệ thống báo cáo quốc gia”.

- 95% cơ sở dữ liệu quốc gia được kết nối, ứng dụng trên địa bàn tỉnh theo lộ trình của Chính phủ; từng bước hình thành cơ sở dữ liệu mở của tỉnh kết nối liên thông trên 70% cơ sở dữ liệu của các sở, ngành để phục vụ quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, khai thác trọn đời: Đang triển khai thực hiện.

- Hoàn thành “Tối thiểu 70% doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận nền tảng chuyển đổi số”.

- Hoàn thành phổ biến, ứng dụng rộng rãi các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt trong thanh toán các loại phí, lệ phí và hoạt động kinh doanh, mua sắm trong cộng đồng.

- Hoàn thành tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hoá đơn điện tử đạt 100%.

- Hoàn thành mục tiêu “Từ 85% người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác”.

- Hoàn thành “Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ đến 100% địa bàn cấp xã”.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh. Đã được triển khai rộng rãi trên địa bàn tỉnh.

- Trên 55% người dùng điện thoại, thiết bị thông minh được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ chính quyền điện tử, dịch vụ đô thị thông minh.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử đạt trên 80%: Đang triển khai thực hiện.

- Hoàn thành thí điểm các dịch vụ số theo Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Cao Bằng, phiên bản 1.0, trong đó bao gồm các lĩnh vực y tế, giáo dục, giao thông, an ninh, trật tự, du lịch. Đang triển khai kết nối Trung tâm giám sát điều hành của tỉnh với Trung tâm dữ liệu quốc gia, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Công an.

II. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ năm 2025.

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành; kiểm tra giám sát hoạt động chuyển đổi số tại các sở, ngành, địa phương

Cấp ủy, chính quyền các cấp đã quyết liệt triển khai sâu rộng đến các Sở, ban, ngành và chính quyền địa phương Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết số 57-NQ/TW); Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW). Tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc, ban hành các Chương trình, Kế hoạch¹ công tác để triển khai thực hiện.

2. Về công tác hoàn thiện thể chế số

¹ Quyết định số 2193-QĐ/TU ngày 27/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng về thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Quyết định 2285-QĐ/TU ngày 05/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng về kiện toàn thành viên và điều chỉnh một số nhiệm vụ theo thẩm quyền của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Cao Bằng; Quyết định số 04-QĐ/BCĐ ngày 05/5/2025 của Ban Chỉ đạo về thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Cao Bằng; Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Cao Bằng (Quyết định số 02-QC/BCĐ ngày 05/5/2025); Thông báo phân công nhiệm vụ các thành viên Ban chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Cao Bằng (Thông báo số 03-TB/BCĐ ngày 05/5/2025); Chương trình công tác năm 2025 của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Cao Bằng (Chương trình số 08-CTr/BCĐ ngày 04/6/2025); Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động 29-CTr/TU ngày 23/02/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Kế hoạch số 09-KH/BCĐ ngày 04/6/2025); Quyết định số 445/QĐ-UBND ngày 14/4/2025 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Cao Bằng; Quyết định số 1118/QĐ-UBND ngày 04/7/2025 về kiện toàn Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh Cao Bằng; Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 04/8/2025 của UBND tỉnh Cao Bằng về việc thành lập Tổ công tác triển khai Đề án 06, cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 tỉnh Cao Bằng; Quyết định số 1139/QĐ-UBND ngày 09/7/2025 của UBND tỉnh Ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị và Chương trình hành động số 29-CTr/TU ngày 23 tháng 2 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng về đột phá, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

2.1. Kết quả đạt được

- UBND tỉnh, Ban chỉ đạo tỉnh tập trung chỉ đạo các hoạt động chuyên đổi số trên địa bàn tỉnh. Theo đó: tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh ban hành 02 Nghị quyết (quy phạm pháp luật) trong lĩnh vực chuyên đổi số².

- Để triển khai, thực hiện hiệu quả, cụ thể hóa các nhiệm vụ Nghị quyết số 57-NQ/TW, Tỉnh ủy Cao Bằng ban hành Chương trình hành động số 29-CTr/TU ngày 23/02/2025 thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1139/QĐ-UBND ngày 09/7/2025, Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Chương trình hành động số 29-CTr/TU ngày 23/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (*Quyết định số 1139/QĐ-UBND ngày 09/7/2025 thay thế Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 03/3/2025, các nhiệm vụ đang triển khai thực hiện tại Quyết định số 274/QĐ-UBND tiếp tục được triển khai theo Quyết định số 1139/QĐ-UBND*).

- Triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban chỉ đạo Trung ương thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 1848/KH-UBND ngày 23/6/2025 về triển khai thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền theo mô hình 02 cấp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (giai đoạn cấp bách đến 30/6/2025); Kế hoạch số 1919/KH-UBND ngày 26/6/2025 về triển khai thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền theo mô hình 02 cấp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng (giai đoạn đột phá: từ ngày 01/7/2025 đến ngày 31/12/2025).

- Chỉ đạo các Sở, ban, ngành, địa phương kịp thời ban hành kế hoạch triển khai, thực hiện, cụ thể hóa từng nhiệm vụ gắn với nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị. Ngay sau khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp; các xã, phường đã ban hành các Quyết định thành lập Ban chỉ đạo xã, phường để chỉ đạo việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn; ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW, các Quyết định kiện toàn lại Tổ chuyên đổi số cộng đồng, đến nay tổ chuyên đổi số cộng đồng đã được kiện toàn lại với 1.410 tổ, 12.042 thành viên, các thành viên hoạt động tích cực, trực tiếp góp phần lan tỏa chuyên

² Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 10/11/2025 của HĐND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Điều 1 Nghị quyết số 72/2024/NQHĐND ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng quy định thẩm quyền quyết định việc đầu tư, mua sắm các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, thuê dịch vụ công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cao Bằng; Đang trình và dự kiến thông qua kỳ họp HĐND thường kỳ tháng 12/2025 Nghị quyết quy định mức thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân tỉnh khi thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

đổi số sâu rộng đến từng hộ dân, đảm bảo số lượng ít nhất 10 người với cơ cấu gồm Tổ trưởng tổ dân phố/Trưởng thôn, xóm làm Tổ trưởng, các thành viên lãnh đạo của Tổ dân phố/thôn/xóm và các thành viên là giáo viên, học sinh, sinh viên, đoàn thanh niên, các cán bộ nghỉ hưu am hiểu về công nghệ thông tin, sử dụng thành thạo điện thoại thông minh, nắm được các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước để hỗ trợ, phổ biến, hướng dẫn cho người dân các kỹ năng số, an toàn thông tin, sử dụng dịch vụ công trực tuyến... theo tinh thần "cầm tay chỉ việc".

- Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo của Chính phủ, của Tỉnh ủy; kế hoạch, chương trình công tác năm 2025 của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh (Ban Chỉ đạo tỉnh), UBND tỉnh đã ban hành 06 Quyết định, 17 Kế hoạch, 03 Công điện, 14 văn bản chỉ đạo, quán triệt, cụ thể hóa các nội dung của Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn tỉnh.

2.2. Tồn tại, hạn chế

- Một số cơ quan, đơn vị còn thực sự quyết liệt triển khai các chỉ đạo của UBND tỉnh, chưa thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo, cập nhật tình hình triển khai, kết quả thực hiện, gây khó khăn cho công tác theo dõi, tổng hợp, báo cáo.

- Sự tham gia, chủ động đề xuất, triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số của các ngành, các địa phương chưa thật sự tích cực. Kế hoạch, Báo cáo chuyển đổi số của một số đơn vị chưa nêu rõ được nhiệm vụ của toàn ngành, lĩnh vực phụ trách. Việc theo dõi, giám sát, chỉ đạo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của ngành, địa phương về chuyển đổi số còn chưa thực sự quan tâm và sát sao. Kế hoạch chuyển đổi số hàng năm của một số ngành xây dựng chưa bám sát thực tế,

3. Hạ tầng số

3.1. Kết quả đạt được

- Xác định phát triển hạ tầng số là nền tảng phát triển Chính quyền số, chuyển đổi số tại địa phương, tạo động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển, Tỉnh đã ban hành các quy hoạch, kế hoạch, đề án phát triển ngành và hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật quy định về việc đảm bảo an toàn cơ sở hạ tầng và an ninh thông tin. Việc hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý đã góp phần tạo hành lang pháp lý, cơ chế chính sách, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, huy động các nguồn lực đầu tư và tạo động lực thúc đẩy hoạt động ứng dụng, phát triển hệ thống thông tin - truyền thông trên địa bàn.

- Thường xuyên đầu tư, nâng cấp, mở rộng hạ tầng số đáp ứng nhu cầu xây dựng Chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số tại địa phương như: Xây dựng và đưa vào khai thác Nền tảng điện toán đám mây, thiết lập trung tâm dữ liệu của tỉnh phục vụ xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số của tỉnh, làm nền tảng hạ tầng vận hành, lưu trữ quan trọng cho các hoạt động chuyển đổi số tại địa phương. Trong giai đoạn tới, nền tảng điện toán đám mây của tỉnh dự kiến sẽ mở rộng, nâng cấp nhằm đáp ứng cung cấp hạ tầng cho các hệ thống thông tin, CSDL các ngành, địa phương và kết nối, chia sẻ dữ liệu với

Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ, tạo cơ sở cho việc dịch chuyển các dịch vụ, hệ thống, dữ liệu trên toàn tỉnh bao gồm Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số lên nền tảng điện toán đám mây.

- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh được xây dựng và triển khai hoạt động ổn định, kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu Quốc gia (NDXP) đáp ứng sẵn sàng khai thác CSDL quốc gia về dân cư và kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống của tỉnh với các hệ thống, CSDL của các bộ, ngành, địa phương.

- Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II (mạng nội tỉnh) đã kết nối đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã trên toàn tỉnh, kết nối với Mạng TSLCD cấp I (mạng trục quốc gia) và được giám sát bởi Hệ thống giám sát của Bộ TTTT (nay là Bộ KH&CN).

- Toàn tỉnh đã phát triển tổng số 1.217 vị trí trạm BTS, mạng lưới viễn thông, mạng băng rộng cáp quang phát triển đến 100% các xã, đến hầu hết các khu vực biên giới; 100% UBND cấp huyện và cấp xã được kết nối Internet băng rộng cố định cáp quang và băng rộng di động 3G, 4G; Mạng băng rộng di động 5G đã được triển khai và cung cấp thương mại trên địa bàn tỉnh (với 215 trạm phát sóng tại thành phố và trung tâm các huyện).

- Việc phủ sóng băng rộng di động trên địa bàn tỉnh được quan tâm chỉ đạo sát sao của Chính phủ, Bộ Khoa học và Công nghệ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh. Tuy vậy, trên địa bàn tỉnh vẫn còn 69 thôn, xóm còn lờm sóng (*trong đó có 32 thôn xóm chưa có điện*), dẫn đến việc phổ cập chuyển đổi số đến các vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn, hạn chế.

- Trên 80% các xã có đài truyền thanh thông minh; Toàn tỉnh hiện đã được đầu tư và đưa vào sử dụng 4 cụm thông tin điện tử phục vụ công tác tuyên truyền tại biên giới (gồm: cửa khẩu Trà Lĩnh, Thác bản giốc, cửa khẩu Sóc giang và cửa khẩu Tà Lùng).

3.2 Tồn tại, hạn chế

- Việc đầu tư hạ tầng, trang thiết bị phục vụ chuyển đổi số còn chưa đáp ứng nhu cầu, nhất là trong một số lĩnh vực ưu tiên ở vùng sâu, vùng xa chưa được đảm bảo, trang thiết bị phục vụ chuyển đổi số còn chưa đầy đủ.

- Việc phát triển hạ tầng viễn thông, phủ sóng di động băng rộng trên địa bàn tỉnh còn nhiều khó khăn do điều kiện địa hình của tỉnh rộng, chia cắt mạnh, nhiều xóm, xã có khoảng cách xa với trung tâm huyện, thành phố; điều kiện giao thông không thuận lợi, dân cư phân bố không đồng đều.

4. Công tác bồi dưỡng, phát triển nhân lực

4.1 Kết quả đạt được

- Tỉnh đã ban hành và triển khai nhiều chương trình, đề án nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, trong đó bao gồm cả năng lực về CNTT và chuyển đổi số. Đã tổ chức 05 lớp bồi dưỡng

(Sở Nội vụ chủ trì) về CNTT nâng cao và chuyển đổi số cho 365 CBCCVC lãnh đạo, cán bộ chủ chốt cấp huyện, cấp xã, trong đó đã chú trọng đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng để đảm bảo tính hệ thống, hiện đại và thực tiễn, sát hợp với yêu cầu chuyển đổi số.

- Triển khai kế hoạch thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh, trên cơ sở các mục tiêu, giải pháp, sở đã tham mưu tổ chức triển khai các hội nghị tập huấn, các lớp bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức (chủ yếu cấp xã) nhằm phát triển nguồn lực chuyển đổi số phục vụ cho các nhiệm vụ xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số và xã hội số tại địa phương. Năm 2025 tỉnh đã giao sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, UBND các địa phương tổ chức các khóa bồi dưỡng (trực tuyến, trực tiếp) nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng hoạt động của Chính quyền địa phương theo mô hình 02 cấp từ ngày 01/7/2025. Ngoài ra tỉnh còn tổ chức nhiều lớp thuộc các trường trình mục tiêu quốc gia với các nội dung liên quan đến chuyển đổi số như: Nâng cao kiến thức chuyển đổi số, tiếp cận thông tin trong xây dựng nông thôn mới và sử dụng dịch vụ số an toàn trên không gian mạng; phổ biến kiến thức về kỹ năng số cơ bản cho công chức, viên chức cấp xã và người dân trong độ tuổi lao động...

- Chỉ đạo các Sở, ban, ngành, địa phương bố trí cán bộ công chức, viên chức phụ trách lĩnh vực công nghệ thông tin, chuyển đổi số; thường xuyên đăng ký, cử nhân sự của tỉnh tham gia tập huấn kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số, bảo đảm an toàn thông tin cho người dùng cuối.

- Việc thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) về vai trò của CNTT. Nhiều khóa học đã cung cấp các kỹ năng cơ bản về tin học văn phòng, sử dụng internet, email, và các phần mềm ứng dụng chuyên ngành, giúp CBCCVC làm quen với môi trường làm việc điện tử; các chương trình bồi dưỡng đã trực tiếp hỗ trợ việc triển khai và ứng dụng các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh và quốc gia như phần mềm quản lý văn bản, hệ thống thông tin một cửa, cổng dịch vụ công trực tuyến. Điều này góp phần đảm bảo hoạt động thông suốt theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp..

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, Đề án 06 và công tác đảm bảo an toàn thông tin mạng hằng năm tại các cơ quan, đơn vị đã góp phần nâng cao vai trò, trách nhiệm, nâng cao năng lực của người đứng đầu, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan, đơn vị. Qua đó đã phát huy, nhân rộng những kết quả đạt được, cách làm hay trong quá trình triển khai thực hiện; đồng thời phát hiện các tồn tại, khó khăn, vướng mắc của các cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ để chỉ đạo, tháo gỡ cho các cơ quan, đơn vị.

4.2 Tồn tại, hạn chế

- Chất lượng tham mưu triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số, an toàn

thông tin của cán bộ chuyên trách, cán bộ kiêm nhiệm tại cấp xã còn hạn chế, nhất là chất lượng xây dựng kế hoạch triển khai hàng năm, công tác báo cáo và tổ chức triển khai thực hiện.

- Việc nâng cao, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số tại địa phương còn chưa đáp ứng yêu cầu. Trong đó từ ngày 01/7/2025 khi đi vào hoạt động Chính quyền địa phương theo mô hình 02 cấp, việc khai thác, sử dụng các ứng dụng, nền tảng số phục vụ Chính quyền số của cán bộ cấp xã còn nhiều lúng túng, thiếu kỹ năng số dẫn đến triển khai các nhiệm vụ cấp xã còn gặp nhiều vướng mắc.

5. Dữ liệu số

5.1 Kết quả đạt được

- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) hoạt động ổn định phục vụ việc kết nối, liên thông, đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo yêu cầu của các bộ, ngành trung ương.

- Ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở tỉnh Cao Bằng tại Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 của UBND tỉnh. Triển khai kho dữ liệu dùng chung cấp tỉnh và kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh để người dân, doanh nghiệp chỉ phải cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến, Kho dữ liệu số hóa thủ tục hành chính (TTHC) của tỉnh được duy trì hoạt động ổn định, kết nối liên thông, đồng bộ dữ liệu với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh phục vụ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại bộ phận một cửa và khai thác lại dữ liệu số hóa trong tiếp nhận, giải quyết TTHC.

- Việc tạo lập, phát triển dữ liệu tiếp tục được quan tâm, chỉ đạo thực hiện. Tỉnh đã giao cơ quan chuyên môn tiếp tục chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan quản lý, khai thác, sử dụng có hiệu quả các cơ sở dữ liệu chuyên ngành gồm: Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu hạ tầng đô thị thành phố và một số cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực khác dùng chung cấp tỉnh tích hợp trên nền cơ sở dữ liệu nền địa lý.

- 100% cơ quan thuộc hệ thống chính trị của tỉnh đã được triển khai các hệ thống thông tin dùng chung để xử lý, trao đổi hồ sơ, văn bản điện tử trên môi trường mạng; trên 97% các văn bản điện tử được ứng dụng chữ ký số và gửi/nhận giữa các cơ quan, đơn vị trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc (trừ các văn bản mật theo quy định).

5.2. Tồn tại, hạn chế

- Các Bộ, ban, ngành Trung ương đang trong giai đoạn tập trung nghiên cứu triển khai, hướng dẫn các nền tảng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thuộc

ngành mình phụ trách cho phù hợp với tình hình thực tiễn sau khi Chính quyền 2 cấp đi vào hoạt động, do đó các Sở, ngành của tỉnh còn gặp khó khăn trong việc tham mưu triển khai các nền tảng, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

- Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu tới một số nền tảng dùng chung do các Bộ, ngành quản lý chưa thuận lợi. Tồn tại nhiều nền tảng phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu trên quy mô quốc gia, do đó, các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp phải thực hiện kết nối, quản lý, vận hành, duy trì, bảo đảm an toàn thông tin cho nhiều kết nối.

- Phần lớn các cơ sở dữ liệu, Hệ thống thông tin được thiết kế, xây dựng phục vụ theo mục đích của cơ quan chủ quản, được phát triển từ hệ thống nghiệp vụ đã có, sử dụng nhiều công nghệ, tiêu chuẩn khác nhau, chưa được đánh giá, thiết kế, xây dựng, để dùng chung, chia sẻ ra bên ngoài ngay từ ban đầu. Do đó, khi kết nối, chia sẻ dữ liệu đòi hỏi đầu tư kinh phí, thời gian để chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống.

6. An toàn thông tin mạng

6.1. Kết quả đạt được

- Công tác bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ được triển khai đồng bộ và từng bước đi vào nề nếp; các cơ quan, đơn vị đã thực hiện rà soát, phân loại hệ thống thông tin, xây dựng và triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin phù hợp với từng cấp độ, góp phần nâng cao mức độ an toàn, ổn định trong quản lý, vận hành các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công trên địa bàn tỉnh.

- Mô hình bảo đảm an toàn thông tin theo 4 lớp từng bước được triển khai và phát huy hiệu quả bước đầu; các biện pháp bảo vệ tại chỗ được tăng cường, kết hợp với giám sát tập trung, hỗ trợ của lực lượng chuyên trách và phối hợp với các cơ quan liên quan, qua đó nâng cao khả năng phòng ngừa, phát hiện sớm, cảnh báo và ứng phó kịp thời với các nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng.

- Công tác kiểm tra việc tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn thông tin mạng được chú trọng; thông qua các đợt kiểm tra, hướng dẫn, nhiều tồn tại, hạn chế trong quản lý, khai thác, sử dụng hệ thống thông tin, bảo vệ dữ liệu nội bộ và dữ liệu cá nhân đã được phát hiện, chấn chỉnh kịp thời, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn thông tin phục vụ chuyển đổi số.

6.2 Tồn tại, hạn chế

- Một số nội dung bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ và mô hình 4 lớp triển khai chưa đồng đều, nhất là tại cấp cơ sở; việc phân loại hệ thống thông tin, xây dựng và cập nhật phương án bảo đảm an toàn thông tin còn chậm, hạ tầng công nghệ thông tin và các giải pháp bảo mật ở một số đơn vị chưa đáp ứng yêu cầu khi hệ thống được mở rộng, nâng cấp.

- Công tác kiểm tra, giám sát và tuân thủ quy định pháp luật về an toàn thông tin mạng còn hạn chế, chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục; ý thức

chấp hành quy định về quản lý, sử dụng tài khoản, mật khẩu, thiết bị đầu cuối, bảo vệ dữ liệu nội bộ và dữ liệu cá nhân của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa cao, tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn thông tin.

- Nguồn nhân lực và điều kiện bảo đảm cho công tác an toàn thông tin còn thiếu và chưa đồng bộ; đội ngũ cán bộ chuyên trách, được đào tạo chuyên sâu về an toàn, an ninh mạng còn mỏng, chủ yếu kiêm nhiệm; kinh phí và cơ chế đầu tư cho an toàn thông tin tại một số cơ quan, đơn vị chưa theo kịp yêu cầu của quá trình chuyển đổi số.

7. Chính quyền số

7.1. Kết quả thực hiện

- Tổ chức, triển khai xây dựng, phát triển các cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý của các ngành, lĩnh vực; hoàn thiện và đưa vào khai thác, sử dụng có hiệu quả các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã được xây dựng và giao cơ quan chuyên môn hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi việc cập nhật dữ liệu thường xuyên cho các cơ sở dữ liệu, hệ thống dùng chung của tỉnh đảm bảo dữ liệu sạch, sống, đầy đủ và chính xác.

- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cao Bằng đã được hợp nhất từ Công Dịch vụ công tỉnh và Hệ thống thông tin Một cửa điện tử tỉnh, đáp ứng phục vụ người dân, doanh nghiệp thực hiện TTHC, thuận lợi cho cán bộ, công chức, viên chức giải quyết TTHC. Hệ thống đáp ứng kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu quốc gia hệ thống định danh và xác thực điện tử, các hệ thống, nền tảng dùng chung của các Bộ, ban, ngành đảm bảo an toàn, an ninh thông tin theo hướng dẫn của Bộ Công an, Bộ KH&CN; hoàn thành kết nối, chia sẻ dữ liệu với các dịch vụ công của các bộ, ngành trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Từ ngày 01/7/2025, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cao Bằng đã tích hợp và cung cấp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia, tính đến thời điểm hiện tại, đã tỉnh đã cung cấp 1925 DVCTT trên cổng dịch vụ công Quốc gia, trong đó DVCTT toàn trình là 669 dịch vụ, DVCTT một phần là 1256 dịch vụ.

- Các hệ thống thông tin dùng chung, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Cổng thông tin điện tử của tỉnh và Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị của tỉnh được xây dựng và duy trì, nâng cấp, đáp ứng nhu cầu quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, phục vụ chính quyền điện tử, phát triển chính quyền số của tỉnh, nổi bật như:

(1) Hệ thống Cổng thông tin điện tử của tỉnh tiếp tục được duy trì, nâng cấp nhằm cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng của cơ quan nhà nước đến người dân và doanh nghiệp đầy đủ, công khai, minh bạch theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ.

(2) Hệ thống quản lý văn bản điều hành thông suốt từ cấp tỉnh đến cấp xã, và kết nối với trực liên thông văn bản quốc gia với: tỷ lệ trao đổi văn bản nội bộ trong các cơ quan dưới dạng điện tử đạt 100%; tỷ lệ trao đổi văn bản giữa các cơ quan trong tỉnh và cấp trung ương dưới dạng điện tử đạt trên 90% (trừ các văn

bản mật theo quy định của nhà nước).

(3) Trung tâm dữ liệu trên Nền tảng điện toán đám mây được thiết lập phục vụ phát triển Chính quyền số tỉnh Cao Bằng được triển khai theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin nhằm tối ưu hóa chi phí và nhân lực vận hành hệ thống.

(4) Nền tảng trạm y tế xã, nền tảng họp trực tuyến; Nền tảng tư vấn khám chữa bệnh từ xa; Các hệ thống thông tin như: hệ thống thư điện tử công vụ, hệ thống thông tin báo cáo, hệ thống CSDL chuyên ngành, Hệ sinh thái giáo dục, hệ thống công du lịch thông minh, trang thông tin điện tử về du lịch, công viên địa chất non nước đều hoạt động ổn định và tiếp tục được duy trì và khai thác hiệu quả hướng tới mục tiêu các hoạt động chỉ đạo, điều hành hoàn toàn qua môi trường mạng.

(5) Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh được triển khai đến 100% cấp huyện (cũ) và xã, phường trên địa bàn tỉnh, đảm bảo thông suốt thông tin liên lạc, chất lượng âm thanh, hình ảnh rõ nét, giúp tổ chức các cuộc họp nhanh, kịp thời, tiết kiệm thời gian và chi phí.

(6) Xây dựng và tổ chức triển khai các cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý của các ngành, lĩnh vực; hoàn thiện và đưa vào khai thác, sử dụng có hiệu quả các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã được xây dựng³ và giao cơ quan chuyên môn hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi việc cập nhật dữ liệu thường xuyên cho các cơ sở dữ liệu, hệ thống dùng chung của tỉnh đảm bảo dữ liệu sạch, sống, đầy đủ và chính xác.

(7) Tổ chức triển khai danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở tỉnh Cao Bằng tại Quyết định số 585/QĐ-UBND ngày 25/5/2023 của UBND tỉnh. Triển khai kho dữ liệu dùng chung cấp tỉnh và kho dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh để người dân, doanh nghiệp chỉ phải cung cấp thông tin một lần cho cơ quan nhà nước khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

(8) Tiếp tục triển khai Kế hoạch⁴ và tổ chức triển khai Chiến lược phát triển kinh tế số, xã hội số; chủ động tổ chức đẩy mạnh và triển khai rộng khắp các lĩnh vực kinh tế với việc thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh với việc định hướng các kênh tổng hợp kết nối giữa người dân, doanh nghiệp với chính quyền; hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong việc khai thác, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt...

(9) Triển khai các hoạt động cấp chứng thư số chuyên dùng Chính phủ và

³ Cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã được xây dựng gồm: Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu hạ tầng đô thị thành phố và một số cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực khác dùng chung cấp tỉnh tích hợp trên nền cơ sở dữ liệu nền địa giới.

⁴ Kế hoạch số 967/KH-UBND ngày 24/4/2023 của UBND tỉnh

nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng Chữ ký số chuyên dùng trong trao đổi văn bản điện tử, 100% cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp xã được cấp chứng thư số cho cá nhân và tổ chức với tổng số: 16.932 chứng thư số, trong đó: 1685 Chứng thư số tổ chức; 15.247 Chứng thư số cá nhân; Triển khai hoạt động cung cấp chữ ký số tập trung cho viên chức ngành Y tế và giáo dục: đã cấp 6.346 Ký số tập trung cho giáo viên và Y, bác sĩ; đã cấp 91 SIM PKI ký số, đảm bảo cho hoạt động quản lý và điều hành công việc tại các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND các xã, phường.

- Trong năm 2025, tỉnh đã triển khai nhiều phương án, giải pháp duy trì các hệ thống, nền tảng CNTT, đảm bảo hoạt động trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy các sở, ban, ngành và sắp xếp đơn vị hành chính theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Cấu hình, khởi tạo trên hệ thống cho 100% công chức, viên chức các sở, ban ngành và cán bộ, công chức cấp xã trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định; cấu hình các TTHC của tỉnh và kết nối đồng bộ với Cổng dịch vụ công quốc gia, đảm bảo việc tiếp nhận hoàn toàn trên Cổng dịch vụ công quốc gia từ 01/07/2025; duy trì, nâng cấp Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ ngành trung ương đảm bảo nhanh chóng và thông suốt; phối hợp với Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin, Ban Cơ yếu Chính phủ cấp mới chữ ký số cho cán bộ, công chức, cơ quan, tổ chức.

7.2. Tồn tại, hạn chế

- Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa một số nền tảng, hệ thống thông tin chuyên ngành của tỉnh với nền tảng dùng chung do các Bộ, ngành quản lý còn chưa thuận lợi. Tồn tại nhiều nền tảng phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu trên quy mô quốc gia, do đó, các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp phải thực hiện kết nối, quản lý, vận hành, duy trì, bảo đảm an toàn thông tin cho nhiều kết nối. Bên cạnh đó, một số Hệ thống thông tin của các Bộ, ngành kết nối, chia sẻ, dữ liệu qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) tới Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP) chưa đầy đủ.

- Một số cơ quan, đơn vị vẫn sử dụng chữ ký số công cộng để thực hiện các giao dịch của Kho bạc Nhà nước, Bảo hiểm xã hội, Thuế.

8. Kinh tế số, xã hội số

8.1. Kết quả đạt được

- Kinh tế số được đẩy mạnh và triển khai rộng khắp các lĩnh vực kinh tế với việc thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia phục vụ chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh; Nền tảng Công dân số Cao Bằng đã triển khai hoàn thành và định hướng là một kênh tổng hợp kết nối giữa người dân, doanh nghiệp với chính quyền, là kênh hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong việc khai thác, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt...

- Nền tảng Công dân số Cao Bằng được triển khai và đưa vào hoạt động từ năm 2024; Nền tảng sử dụng công nghệ hiện đại, hạ tầng Trung tâm lưu trữ cơ

sở dữ liệu, máy chủ điện toán đám mây (Smart Server Cloud), cung cấp một kênh thông tin kết nối người dân, doanh nghiệp với chính quyền. Giúp người dân, doanh nghiệp có thể tra cứu các tiện ích cơ bản như: thủ tục hành chính, nộp hồ sơ, tra cứu hồ sơ, thủ tục trực tuyến, tra cứu thông tin đất đai và tương tác với hệ thống nền tảng khác, thực hiện mua hàng trên các sàn thương mại điện tử... Nền tảng đã phát huy vai trò, hiệu quả, tăng tính tương tác giữa chính quyền và người dân, tăng cường hiệu lực, hiệu quả trong chỉ đạo điều hành của chính quyền các cấp, góp phần thúc đẩy phát triển chính quyền số, đưa chính quyền đến gần với người dân. Nền tảng Công dân số Cao Bằng đang được triển khai, tuyên truyền tích cực đến tất cả các cấp trên địa bàn tỉnh, đến nay đã có 16.730 lượt tải (trên nền tảng Android đạt 10.301 lượt, trên nền tảng iOS đạt 6.429 lượt).

- Các nền tảng, dịch vụ số được xây dựng cung cấp cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận thông tin, khai thác thông tin, và sử dụng DVCTT nổi bật như: Hệ thống cổng thông tin điện tử, hệ thống Công du lịch thông minh, các hệ thống về quản lý, truy xuất nguồn gốc, chợ trực tuyến phục vụ đồng bào dân tộc thiểu số; Nền tảng quản trị kinh doanh du lịch, Trong đó một số ứng dụng, nền tảng số đã người dân và doanh nghiệp sử dụng trong việc tiếp cận thông tin chính thức từ cơ quan nhà nước, phản ánh, kiến nghị đến các cấp chính quyền trong mọi mặt xã hội như: Hệ thống Cổng thông tin điện tử của tỉnh đạt trên 28 triệu lượt truy cập; Cổng du lịch thông minh tỉnh Cao Bằng đã có trên 6 triệu lượt người truy cập và thường xuyên được cập nhật thông tin quảng bá, phát triển du lịch trên trang thông tin điện tử, các nền tảng mạng xã hội, các phương tiện thông tin đại chúng.

- Hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt cũng được đẩy mạnh trên địa bàn tỉnh với các mô hình như “*Tuyến phố không dùng tiền mặt*” tại tuyến phố đi bộ Kim Đồng, phố Xuân Trường, phường Hợp Giang, Thành phố Cao Bằng (nay là phố Kim đồng, Phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng); thúc đẩy triển khai hợp đồng điện tử cũng được tỉnh chỉ đạo, tuy nhiên, số lượng doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử trong giao dịch, thương mại còn ít.

- Các hoạt động thương mại điện tử, giao dịch điện tử của người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh ngày càng phổ biến cùng với việc người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt: trên 80%; Tổng số thuê bao điện thoại thông minh trên tổng số thuê bao di động trên địa bàn tỉnh đạt trên 85.93%; Số lượng hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang đạt 60,06%; Tổng số doanh nghiệp nộp thuế điện tử đạt 99,26%; Số lượng doanh nghiệp đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử đến thời điểm hiện tại đạt 98,2%.

8.2. Tồn tại, hạn chế

- Doanh nghiệp được tiếp cận, dùng thử các nền tảng chuyển đổi số còn hạn chế; chưa thu hút được các doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển chuyển đổi số.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động kinh doanh, xúc tiến thương mại của các doanh nghiệp, hợp tác xã vẫn còn thấp.

- Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng còn thấp, có sự phân hóa rõ rệt giữa khu vực nông thôn và thành thị.

- Người dân ở vùng nông thôn được trang bị kỹ năng số cơ bản để thao tác, sử dụng ứng dụng, nền tảng số còn hạn chế.

9. Công tác tuyên truyền, truyền thông về chuyển đổi số

9.1. Kết quả đạt được

- Công tác tuyên truyền, phổ biến và nâng cao nhận thức về công nghệ thông tin, chuyển đổi số được triển khai thường xuyên, liên tục và đa dạng, với phạm vi mở rộng đến tận cấp xóm. Nội dung và hình thức tuyên truyền luôn được đổi mới, phong phú, phù hợp với từng nhóm đối tượng; kịp thời truyền tải những thông tin, kết quả nổi bật về chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị và địa phương.

- Các hoạt động tuyên truyền được thực hiện trên nhiều kênh: Trang thông tin chuyển đổi số của tỉnh; Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh; Báo và Phát thanh, Truyền hình; mạng xã hội... Qua đó góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trong thực hiện chuyển đổi số.

- Tỉnh đã chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia và Ngày Chuyển đổi số tỉnh Cao Bằng năm 2025 bảo đảm thiết thực, hiệu quả. Các cơ quan báo chí được chỉ đạo, hướng dẫn tăng cường thời lượng tuyên truyền về lợi ích, hiệu quả của chuyển đổi số đối với người dân và doanh nghiệp.

- Hoạt động của các Tổ chuyển đổi số cộng đồng phát huy tốt vai trò nòng cốt tại cơ sở, chủ động hướng dẫn, hỗ trợ người dân kỹ năng sử dụng công nghệ số, tiếp cận các dịch vụ số; triển khai hoạt động “đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người” để phổ cập kỹ năng số. Nhờ đó, nhận thức của người dân về vai trò và tầm quan trọng của chuyển đổi số được nâng lên, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Bên cạnh đó, các hoạt động truyền thông về chuyển đổi số, an toàn thông tin được tăng cường bằng nhiều hình thức như xuất bản ấn phẩm (sổ tay, tờ rơi), tuyên truyền báo chí, trên các nền tảng mạng xã hội... Các mô hình triển khai hiệu quả gồm: tổ chức ra quân hỗ trợ người dân cài đặt, sử dụng dịch vụ số; phổ cập kỹ năng số; thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt; triển khai chuyển đổi số tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

9.2. Tồn tại, hạn chế

Việc tuyên truyền chuyển đổi số tại cơ sở chưa tạo được sức lan tỏa sâu rộng trên toàn tỉnh. Số lượng người quan tâm và theo dõi Kênh “Chuyển đổi số Cao Bằng” trên Zalo còn thấp. Công tác phổ biến Nền tảng Công dân số đến

người dân và doanh nghiệp chưa đạt, mức độ bao phủ rộng, hiệu quả nhưng chưa đồng đều giữa các địa phương. Kinh phí dành cho công tác thông tin, tuyên truyền về chuyển đổi số còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu triển khai đồng bộ, thường xuyên các hoạt động truyền thông trên nhiều nền tảng. Nguồn nhân lực làm công tác thông tin, truyền thông tại cơ sở còn mỏng, chủ yếu kiêm nhiệm, chưa được đào tạo chuyên sâu về truyền thông số, kỹ năng sản xuất nội dung đa phương tiện; năng lực ứng dụng công nghệ số trong công việc chưa đồng đều giữa các địa phương. Trang thiết bị, phương tiện phục vụ thông tin tuyên truyền còn thiếu và lạc hậu, nhất là tại hệ thống thông tin cơ sở. Nhiều xã, xóm còn thiếu thiết bị trình chiếu, máy tính, phương tiện thu - phát tin, thiết bị hỗ trợ sản xuất nội dung số, dẫn đến việc triển khai các mô hình truyền thông hiện đại còn hạn chế.

10. Kinh phí thực hiện: Năm 2025 là 58,470 triệu đồng.

PHẦN II. KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2026

I. CĂN CỨ

- Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11;
- Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15;
- Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13;
- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc các mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, cập nhật chương trình hành động của chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;
- Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;
- Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ

Phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược an toàn, an ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;

- Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 02/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030;

- Quyết định số 1236/QĐ-TTg ngày 22/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Chiến lược quốc gia về ứng dụng và phát triển công nghệ chuỗi khối (Blockchain) đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ Về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam;

- Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 07/3/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX về xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, chuyển đổi số tỉnh Cao Bằng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Chương trình hành động số 29-CTr/TU ngày 23/02/2025 của Tỉnh ủy Cao Bằng thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Kế hoạch số 31-KH/TU ngày 28/11/2025 của Tỉnh ủy Cao Bằng thực hiện nội dung đột phá về thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2025 - 2030;

- Quyết định số 1139/QĐ-UBND ngày 09/7/2025 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Chương trình hành động số 29-CTr/TU ngày 23/02/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Kế hoạch số 1406/KH-UBND ngày 07/6/2022 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU ngày 07/3/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX về xây dựng Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, chuyển đổi số tỉnh Cao Bằng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 535/KH-UBND ngày 10/3/2022 của UBND tỉnh triển khai Chương trình xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

- Kế hoạch số 506/KH-UBND ngày 08/3/2022 của UBND tỉnh thực hiện

Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

- Kế hoạch số 967/KH-UBND ngày 24/4/2024 của UBND tỉnh thực hiện chiến lược quốc gia về kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

- Kế hoạch số 2589/KH-UBND ngày 30/9/2024 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Chiến lược dữ liệu quốc gia đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

- Quyết định số 1904/QĐ-UBND ngày 13/11/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt Kiến trúc Chính quyền số tỉnh Cao Bằng, phiên bản 4.0.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số của tỉnh Cao Bằng theo hướng hiện đại, minh bạch, an toàn và hiệu quả; cung cấp dịch vụ số thuận tiện, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm. Tạo đột phá trong cải cách hành chính, quản trị công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, qua đó cải thiện đời sống nhân dân và thu hút đầu tư.

- Tập trung phát triển đồng bộ hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số cùng cơ chế, chính sách và nguồn nhân lực để tạo nền tảng cho chuyển đổi số toàn diện. Đẩy mạnh đào tạo kỹ năng số, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện mục tiêu phát triển nhanh, bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Phát triển chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- Tỷ lệ thủ tục hành chính được thực hiện trên môi trường điện tử trên địa bàn tỉnh đạt 95%, trong đó 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch.

- Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 60%.

- Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 90%.

- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công đạt tối thiểu 55%.

- Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại thông tin, dữ liệu số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công đạt tối thiểu 60%.

- Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc (trừ văn bản, hồ sơ có chứa nội dung bí mật nhà nước) được thực hiện toàn trình trên Hệ thống Quản lý và điều hành (Không xử lý song song văn bản, hồ sơ điện tử và văn bản hồ sơ giấy) đạt 100% đối với cấp tỉnh, tối thiểu 90% đối với cấp xã.

- Tỷ lệ văn bản xử lý trên môi trường mạng của các cơ quan Nhà nước

được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng, bảo đảm tính pháp lý của văn bản theo quy định (trừ văn bản mật theo quy định) đạt 100%.

- Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử đạt 100%.

- Tỷ lệ báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) của các cơ quan nhà nước được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh đạt 100%.

- Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản đạt tối thiểu 80%.

- Chỉ số chuyên đổi số cấp tỉnh (DTI) tăng so với xếp hạng năm 2025.

2.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Tỷ trọng kinh tế số đạt tối thiểu 09% GRDP.

- Tỷ lệ giao dịch không dùng tiền mặt đạt tối thiểu 70%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt tối thiểu 50%.

- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt tối thiểu 60%.

2.3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt tối thiểu 80%.

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt tối thiểu 80%.

- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến, cập nhật kỹ năng số cơ bản đạt tối thiểu 40%.

- Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang đạt tối thiểu 65%.

- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn đạt tối thiểu 50%.

- Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt tối thiểu 65%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt tối thiểu 30%.

- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt tối thiểu 95%.

- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục công lập, các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh triển khai thanh toán không dùng tiền mặt đạt 20%.

- Tỷ lệ các bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh triển khai Sổ sức khỏe điện tử tích hợp trên ứng dụng VNeID đạt 100%.

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành về chuyển đổi số. Bám sát các nội dung, nhiệm vụ về chuyển đổi số để tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực

hiện nghiêm túc các nhiệm vụ theo chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh.

- Phát huy vai trò, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác chỉ đạo, điều hành và triển khai các nhiệm vụ về chuyển đổi số.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động chuyển đổi số thông qua các ứng dụng, hệ thống thông tin, báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất về chuyển đổi số.

2. Thể chế, chính sách số

Ban hành hoặc trình Tỉnh ủy, HĐND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo các nội dung, cụ thể:

- Khung kiến trúc số, Kiến trúc dữ liệu đưa ra các quy định về các nguyên tắc, mô hình tham chiếu, tiêu chuẩn kỹ thuật và các thành phần cốt lõi của hệ thống công nghệ phục vụ chuyển đổi số tại địa phương.

- Các chính sách, thúc đẩy, bảo đảm trong quy hoạch tỉnh phải sẵn sàng cho phát triển hạ tầng số (ưu tiên không gian, vị trí, tạo điều kiện để phát triển hạ tầng băng rộng như: trạm BTS, Trung tâm dữ liệu, Trạm mặt đất vệ tinh phục vụ kết nối vệ tinh với mạng internet hoặc mạng viễn thông mặt đất...).

- Cơ chế, chính sách về thí điểm mô hình chuyển đổi số một số lĩnh vực, ngành trọng điểm, đảm bảo phù hợp với nguồn lực, điều kiện địa lý, điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

- Quyết định của UBND tỉnh ban hành: Quyết định giao chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số cho người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh; Quyết định công bố kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước tỉnh Cao Bằng năm 2026; Quyết định phê duyệt Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh Cao Bằng thời kỳ 2026 - 2030, định hướng đến năm 2035; Quyết định ban hành Đề án chuyển đổi số tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035.

- Kế hoạch của UBND tỉnh: Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Cao Bằng năm 2027; Kế hoạch hành động triển khai chiến lược phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo; Kế hoạch nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

3. Hạ tầng số

- Phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng; lồng ghép quy hoạch hạ tầng số vào Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch kỹ thuật; ưu tiên khu vực trọng điểm, phát triển nền tảng dùng chung, chia sẻ hạ tầng; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu với Trung ương; ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ lãnh đạo, điều hành.

- Tiếp tục phát triển hạ tầng viễn thông, mở rộng phủ sóng 3G, 4G, nâng cấp cáp quang đến 100% thôn, bản, bảo đảm chất lượng dịch vụ và vùng phủ sóng; Rà soát, xoá các vùng “trắng sóng”, “lỗ sóng” di động trên địa bàn, bảo đảm tốc độ mạng viễn thông di động. Đẩy nhanh tốc độ phủ mạng cáp quang,

mạng di động băng rộng đến tất cả các thôn, bản, khu vực dân sinh; tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet, đặc biệt ở khu vực nông thôn; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng, phủ sóng ở vùng trắng, vùng lốm về kết nối mạng băng thông rộng.

- Thúc đẩy phát triển mạng viễn thông di động 5G: Thực hiện mở rộng phạm vi phủ sóng dịch vụ 5G, phấn đấu đưa mạng 5G dần dần phổ biến trên địa bàn tỉnh, phục vụ chính quyền và nhân dân trước hết tại các khu vực trung tâm.

- Phát triển hạ tầng tiện ích số và công nghệ số như dịch vụ, trọng tâm là các nền tảng: định danh số; xác thực số; thanh toán số, hóa đơn số; tích hợp, chia sẻ dữ liệu; xác thực văn bản số; chữ ký số và chứng thực chữ ký số.

- Triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số.

- Thúc đẩy phát triển hạ tầng vật lý - số trong các lĩnh vực có tác động lớn như giao thông, y tế, giáo dục, nông nghiệp, du lịch, khu kinh tế cửa khẩu... để phát triển kinh tế số tại địa phương, nâng cao tính cạnh tranh nền kinh tế của tỉnh.

- Triển khai mở rộng, nâng cấp, hoàn thiện Trung tâm dữ liệu của tỉnh trên nền tảng điện toán đám mây theo hướng hiện đại, phù hợp với các quy định của Trung ương, bảo đảm an toàn thông tin mạng theo hướng quản lý, vận hành, lưu trữ tập trung nhằm triển khai chính quyền điện tử tiến tới chính quyền số và phát triển đô thị thông minh...

- Triển khai đồng bộ hệ thống hội nghị truyền trực tuyến phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đến các sở, ngành của tỉnh, cấp xã.

- Thúc đẩy đầu tư, thay thế trang thiết bị, hệ thống đảm bảo sẵn sàng và chuyển đổi sangIpv6 cho các hệ thống thông tin, CSDL của tỉnh theo lộ trình.

- Rà soát, nâng cấp hoàn thiện hệ thống mạng máy tính, trang thiết bị CNTT của các cấp, các ngành bảo đảm điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến, khai thác, vận hành hệ thống một cửa điện tử liên thông, triển khai các ứng dụng chuyên ngành, số hóa, cập nhật dữ liệu điện tử; phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông phát triển hạ tầng mạng lưới, cung cấp mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, bảo đảm hạ tầng kỹ thuật xây dựng Chính quyền điện tử, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế số, xã hội số.

4. Nhân lực số

- Triển khai bình dân học vụ số, tiếp tục tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản, kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số cho cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục rà soát, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, cập nhật kiến thức về quản trị hệ thống, an toàn thông tin... cho đội ngũ cán bộ chuyên trách

công nghệ thông tin, chuyển đổi số làm việc tại các đơn vị, địa phương. Cử cán bộ có năng lực tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu phù hợp với chuẩn của trong nước và quốc tế về quản trị mạng, an toàn, bảo mật thông tin.

5. Dữ liệu số

- Quản lý, vận hành khai thác hiệu quả Công dữ liệu mở của tỉnh, các nền tảng dữ liệu dùng chung kết nối, đồng bộ với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các sở, ngành trên địa bàn tỉnh và tích hợp với Công dữ liệu quốc gia. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong phân tích, khai thác dữ liệu.

- Xây dựng, phát huy hiệu quả dữ liệu của địa phương bảo đảm liên thông, tích hợp, chia sẻ. Phát triển mạnh mẽ ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với các ngành, lĩnh vực quan trọng.

- Tiếp tục cập nhật, phát triển dữ liệu cho một số cơ sở dữ liệu đã hình thành như: cơ sở dữ liệu về công chức, viên chức; cơ sở dữ liệu thống kê, báo cáo kinh tế - xã hội; các cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực y tế, giáo dục, giao thông, xây dựng, công thương, tài nguyên và môi trường..., xây dựng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành các ngành còn lại, dần dần tiến tới hoàn thiện cung cấp, chia sẻ dữ liệu trên Công dữ liệu của tỉnh.

- Triển khai sử dụng và khai thác kho quản lý dữ liệu điện tử của tổ chức, cá nhân theo quy định phục vụ công tác quản lý điều hành, phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng các dịch vụ cơ bản, thiết yếu đến người dân, doanh nghiệp.

- Tiếp tục triển khai, cập nhật các cơ sở dữ liệu chuyên ngành làm cơ sở hình thành kho tài nguyên dữ liệu dùng chung cấp tỉnh, hệ thống nền cơ sở dữ liệu chuyên ngành đáp ứng các mục tiêu chuyển đổi số. Thực hiện và duy trì việc kết nối chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan nhà nước với tổ chức, doanh nghiệp và người dân để duy trì và phát triển dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh và lãnh đạo các đơn vị.

- Triển khai các cơ sở dữ liệu phục vụ chuyển đổi số. Trước hết, tập trung triển khai hoàn thiện xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai của địa phương, đồng bộ với cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia. Tiếp tục triển khai ứng dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; cơ sở dữ liệu quốc gia về công chức, viên chức; các cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, ngành.

6. An toàn thông tin mạng

- Duy trì và triển khai đồng bộ mô hình bảo đảm an toàn thông tin 4 lớp, gồm: lực lượng tại chỗ chịu trách nhiệm quản lý, vận hành, giám sát và xử lý ban đầu khi xảy ra sự cố; đội ngũ giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp thực hiện giám sát, cảnh báo an toàn thông tin 24/7; tổ chức độc lập thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ nhằm bảo đảm tính khách quan; đồng thời tăng cường kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát an toàn thông tin quốc gia để bảo đảm phối hợp, liên thông, thống nhất trong phòng ngừa, phát hiện và ứng phó sự cố an toàn, an ninh mạng.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến và quán triệt các quy định pháp luật về an toàn thông tin, an ninh mạng theo hướng đồng bộ, thực chất, hiệu quả; đa dạng hóa nội dung, hình thức tuyên truyền nhằm bảo đảm 100% cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan, đơn vị, địa phương được tiếp cận, nắm vững và thực hiện đúng quy định; đồng thời tổ chức tập huấn, đào tạo, diễn tập nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, an toàn thông tin tại các cơ quan, đơn vị.

- Ưu tiên lựa chọn, sử dụng các sản phẩm, giải pháp, dịch vụ an toàn thông tin và an ninh mạng do doanh nghiệp Việt Nam làm chủ, phát triển (Make in Vietnam) trong quá trình đầu tư, xây dựng, nâng cấp các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, bảo đảm phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và yêu cầu thực tiễn.

- Tăng cường việc tích hợp yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng ngay từ khâu thiết kế đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu xây dựng mới, đồng thời khắc phục triệt để tình trạng “nợ tuân thủ” (nếu có); thực hiện bố trí kinh phí cho các sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin, an ninh mạng với tỷ lệ phù hợp, tối thiểu 15% tổng mức đầu tư của các đề án, dự án công nghệ thông tin, bảo đảm hiệu quả, đúng quy định, tránh đầu tư dàn trải, lãng phí.

- Hoàn thành việc mở rộng phạm vi giám sát, bảo vệ an toàn thông tin đối với 100% hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm được giám sát, cảnh báo, phát hiện sớm các nguy cơ mất an toàn, an ninh mạng.

- Bảo đảm 100% hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý được phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong quản lý, vận hành hệ thống.

- Triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng đáp ứng yêu cầu tại Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 14423:2025 đối với hệ thống thông tin quan trọng, góp phần nâng cao mức độ an toàn, khả năng ứng phó và phục hồi của hệ thống trước các nguy cơ tấn công mạng.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá việc chấp hành các quy định của pháp luật về an toàn thông tin, an ninh mạng đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, hạn chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn thông tin phục vụ chuyển đổi số.

7. Chính quyền số

- Triển khai các ứng dụng dùng chung: Thư điện tử; Cổng thông tin điện tử và các cổng thành phần, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, Quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, ứng dụng phát triển giao dịch điện tử, xác thực điện tử, văn phòng điện tử như quản lý văn bản, tài liệu điện tử, tài liệu họp, phòng họp trực tuyến, phòng họp không giấy, quản lý kế hoạch và theo dõi công việc qua mạng,... bảo đảm các ứng dụng hoạt động ổn định, được khai thác thường xuyên, liên tục, phục vụ hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp.

- Tiếp tục quản lý, vận hành hiệu quả hệ thống nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh phục vụ kết nối nền tảng Chính phủ điện tử quốc gia; tích hợp các ứng dụng, dịch vụ và cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh vào hệ thống.

- Triển khai và hoàn thiện Trung tâm điều hành thông minh (IOC) của tỉnh, kết nối với IOC Chính phủ, Trung tâm dữ liệu quốc gia; đẩy mạnh ứng dụng AI, dữ liệu lớn (Big Data) trong việc phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

- Thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia theo Quyết định số 749/QĐ-TTg, đẩy mạnh ứng dụng AI trong hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính, trợ lý ảo phục vụ người dân, doanh nghiệp; số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, nâng cao mức độ hài lòng của người dân, tổ chức.

- Quản lý, vận hành, khai thác hiệu quả Nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp của tỉnh nhằm lưu trữ tập trung, tổng hợp, phân tích, xử lý dữ liệu về phát triển kinh tế - xã hội từ các nguồn khác nhau, từ đó tạo ra thông tin mới, dịch vụ dữ liệu mới phục vụ chính phủ số.

- Triển khai sử dụng các nền tảng số quốc gia theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ phù hợp với điều kiện địa phương, hỗ trợ các doanh nghiệp xác định chỉ số chuyển đổi số và sử dụng các nền tảng số phục vụ sản xuất, kinh doanh.

- Quản lý, vận hành, khai thác hiệu quả Nền tảng công dân số tỉnh Cao Bằng, hướng tới phổ cập chuyển đổi số đến người dân, là một kênh tổng hợp kết nối giữa người dân, doanh nghiệp với chính quyền; là kênh hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong việc khai thác, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt...

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Danh mục các nền tảng số quốc gia ưu tiên triển khai trên địa bàn tỉnh và đẩy mạnh ứng dụng các nền tảng có khả năng kết nối liên thông, liên kết, tạo sức mạnh tổng thể và mang lại hiệu quả triển khai, tránh trùng lặp, rời rạc.

- Triển khai có hiệu quả các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính. Công bố danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần, hiệu chỉnh các hệ thống đáp ứng theo quy định, cung cấp xác thực qua hệ thống định danh điện tử. Triển khai quyết liệt các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Trước hết, tập trung triển khai rà soát, hoàn thiện môi trường pháp lý, cơ chế, chính sách để thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Tiếp tục triển khai chứng thư số cá nhân và cơ quan, tổ chức cho các đơn vị trực thuộc các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã, các tổ chức chính trị - xã hội.

- Triển khai ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo theo hướng dẫn của của Bộ Khoa học và Công nghệ để nâng cao chất lượng công chức, chất lượng công tác xây dựng thể chế và dân trí.

- Thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số cửa khẩu với trọng tâm triển khai nền

tăng cửa khẩu số, hướng tới xây dựng cửa khẩu thông minh.

8. Kinh tế số và xã hội số

- Tổ chức các chương trình phổ biến kiến thức về các công nghệ số, các loại mô hình kinh tế số đổi mới sáng tạo, chia sẻ kinh nghiệm của những doanh nghiệp trong từng lĩnh vực đang thành công nhờ các mô hình kinh doanh sáng tạo với công nghệ số.

- Triển khai các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyên đổi mô hình hoạt động, áp dụng thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, nền tảng quản trị số; Khuyến khích phát triển các sản phẩm, nền tảng số, công nghệ lõi, tăng năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Triển khai phát triển thương mại điện tử cho các sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc hữu, xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh có tính cạnh tranh và phát triển bền vững, trong đó hỗ trợ ứng dụng rộng rãi thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng.

- Phát triển hạ tầng kết nối số cho người dân. Đẩy nhanh tốc độ phủ mạng cáp quang, mạng di động băng thông rộng đến tất cả các thôn, tổ dân phố, khu vực dân sinh; tăng tỷ lệ người dùng Internet, đặc biệt ở khu vực nông thôn; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng, phủ sóng chất lượng ở các vùng trắng, vùng lõm về kết nối mạng băng thông rộng.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp xây dựng công dân số, mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, tài khoản số, kỹ năng số, được bảo đảm an toàn và niềm tin số.

- Duy trì, nâng cao hiệu quả mạng lưới Tổ chuyên đổi số cộng đồng nhằm hỗ trợ, thúc đẩy phổ cập kỹ năng số cho người dân, hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số của cơ quan nhà nước thông qua các hoạt động xã hội hoá đồng thời đẩy mạnh phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong cán bộ, công chức và người dân.

- Phát triển hệ thống truyền thanh cơ sở: Nâng cấp, đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật hệ thống truyền thanh cơ sở cấp xã.

- Triển khai các kênh tương tác trực tuyến, tăng cường sự tham gia của người dân, doanh nghiệp để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của cơ quan nhà nước.

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông

- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chuyển đổi số. Trong đó, tập trung vào các nội dung: Nền tảng Công dân số, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, an toàn thông tin mạng và các tiện ích số phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền trên báo chí, phát thanh - truyền hình, Công/Trang thông tin điện tử, mạng xã hội; tăng cường sản xuất tin, bài, chuyên mục, phóng sự phản ánh các mô hình chuyển đổi số điển hình, cách làm hay, hiệu quả tại cơ sở.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của Tổ chuyển đổi số cộng đồng, tiếp tục phát huy phương châm “đi từng ngõ, gõ từng nhà, hướng dẫn từng người”, bảo đảm người dân được hỗ trợ thường xuyên trong tiếp cận và sử dụng các dịch vụ số. Tổ chức các đợt ra quân hướng dẫn người dân cài đặt các ứng dụng số, kỹ năng an toàn thông tin và sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Tăng cường công tác truyền thông trực quan thông qua pano, áp phích, tờ rơi, video clip; đẩy mạnh tuyên truyền trên không gian mạng, nhất là trên các ứng dụng phổ biến như Zalo, Facebook, YouTube nhằm tiếp cận rộng rãi đến người dân.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan báo chí Trung ương và địa phương để đẩy mạnh tuyên truyền về chuyển đổi số của tỉnh; định hướng thông tin kịp thời, cung cấp dữ liệu, số liệu, nội dung phục vụ công tác truyền thông.

- Tổ chức các sự kiện truyền thông, diễn đàn, hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số; tăng cường nội dung chuyên sâu theo từng lĩnh vực: y tế số, giáo dục số, nông nghiệp số, du lịch số, kinh tế số, xã hội số.

- Bố trí thời lượng tuyên truyền phù hợp trên các kênh truyền thông của tỉnh, ưu tiên các nội dung thiết thực với người dân, doanh nghiệp; nâng cao chất lượng các chương trình, chuyên mục về chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh truyền thông về an toàn thông tin, hướng dẫn người dân nhận diện các hành vi lừa đảo trên môi trường mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và sử dụng dịch vụ số an toàn.

- Tăng cường đánh giá, theo dõi, thống kê kết quả công tác tuyên truyền; kịp thời điều chỉnh phương thức, nội dung phù hợp với từng nhóm đối tượng để nâng cao hiệu quả lan tỏa.

IV. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp:

- Quảng bá, tuyên truyền sâu rộng đến người dân và doanh nghiệp về việc triển khai Chính quyền số của tỉnh, bảo đảm cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có thể tiếp cận sử dụng các dịch vụ được cung cấp bởi Chính quyền điện tử.

- Đẩy mạnh tương tác trực tuyến giữa cơ quan Nhà nước và người dân, doanh nghiệp thông qua kênh Hệ thống tiếp nhận, giải quyết các phản ánh kiến nghị của tổ chức, cá nhân với Chính quyền tỉnh Cao Bằng; Phần mềm điều tra đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với Chính quyền tỉnh.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc tuyên truyền, hướng dẫn cho người dân và doanh

nghiệp khai thác các dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.

2. Phát triển, thu hút nguồn nhân lực chuyển đổi số

- Nghiên cứu, xây dựng các cơ chế khuyến khích, chính sách thuê chuyên gia, nhân lực tham gia xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử; cơ chế, chính sách bồi dưỡng, đào tạo lại và giữ nhân lực chuyển đổi số có chất lượng.

- Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, phổ biến kiến thức, kỹ năng số, đảm bảo an toàn thông tin cho đội ngũ cán bộ công chức, viên chức, người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

Tăng cường đầu tư nâng cấp Trung tâm dữ liệu của tỉnh trên nền tảng điện toán đám mây, lựa chọn giải pháp công nghệ tiên tiến như: Internet vạn vật, dữ liệu khối, dữ liệu lớn, tự động hóa, trí tuệ nhân tạo... để quản lý tập trung các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung toàn tỉnh, đáp ứng yêu cầu triển khai chính quyền số, đô thị thông minh và đảm bảo an toàn thông tin.

4. Bảo đảm nguồn lực tài chính

- Từng bước thay đổi cơ cấu ngân sách dành cho ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển Chính quyền số. Ưu tiên nguồn kinh phí sự nghiệp, bố trí thực hiện các nhiệm vụ thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

- Huy động nguồn vốn từ doanh nghiệp, các nhà tài trợ, các tổ chức trong và ngoài nước có nhu cầu đầu tư, hỗ trợ trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

5. Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức nghiên cứu trong nước và quốc tế:

- Tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích trong việc triển khai Chính quyền số và hỗ trợ cá nhân, tổ chức thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về sản phẩm, năng lực sản xuất của doanh nghiệp công nghệ thông tin, tạo điều kiện hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho các tổ chức, cá nhân nhằm triển khai các dịch vụ Chính quyền số thuận lợi.

- Tiếp tục phối hợp hiệu quả với các Tập đoàn công nghệ lớn (như: VNPT, Viettel, Học viện Công nghệ bưu chính, viễn thông...), các Tập đoàn đang có các sản phẩm công nghệ thông tin cung cấp cho Chính phủ và các địa phương, triển khai xây dựng các nền tảng, hệ thống thông tin mang tính hệ thống, để thuận lợi trong việc tích hợp, liên thông các hệ thống, khai thác chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung.

V. DANH MỤC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ

Danh mục các dự án, nhiệm vụ và kinh phí dự kiến phục vụ chuyển đổi số của các cơ quan Nhà nước năm 2026 chi tiết tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu UBND tỉnh triển khai các nội dung nhiệm vụ của Kế hoạch; đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, tổng hợp kết quả báo cáo UBND tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Chủ trì hướng dẫn, thẩm định, giám sát và hỗ trợ các đơn vị triển khai đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế và tuân thủ các quy định của pháp luật.

- Chủ trì triển khai các nhiệm vụ tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; chủ động tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; nghiên cứu, lựa chọn, đưa vào áp dụng thử nghiệm các giải pháp mới về công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý, sản xuất và đời sống; tham mưu, lồng ghép các nhiệm vụ ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong chuyển đổi số.

- Phối hợp với Sở Nội vụ triển khai, đánh giá các nhiệm vụ xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số trong kế hoạch cải cách hành chính; Phối hợp tiếp tục tổ chức triển khai các chương trình đào tạo nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, kỹ năng số cho lãnh đạo, quản lý và cán bộ công chức, viên chức và Nhân dân.

- Chỉ đạo, hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh bảo đảm hạ tầng viễn thông, Internet; phát triển, mở rộng vùng phủ sóng băng rộng di động 5G.

- Tiếp tục mở rộng kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh.

- Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tăng cường triển khai các hoạt động chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch.

- Phối hợp các sở, ngành tham mưu tổ chức đoàn trao đổi, học tập kinh nghiệm về chuyển đổi số của một số tỉnh, thành phố có thứ hạng chuyển đổi số cao.

- Tham mưu ban hành kế hoạch và tổ chức triển khai các giải pháp nâng cao chỉ số chuyển đổi số (DTI) của tỉnh Cao Bằng.

- Chủ trì, phối hợp thực hiện các nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc lĩnh vực quản lý.

- Phối hợp với Công an tỉnh triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số gắn với bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng; hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; tham mưu sử dụng các sản phẩm, giải pháp an toàn thông tin, an ninh mạng phù hợp trong đầu tư, xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

2. Sở Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị có liên quan rà soát, cập nhật các tiêu chí về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác thi đua khen thưởng; phối hợp xây dựng, bổ sung các tiêu chí đánh giá về chuyển đổi số

vào quy định xác định chỉ số cải cách hành chính các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục triển khai phong trào thi đua, khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu trong các hoạt động chuyển đổi số. Đưa kết quả chuyển đổi số vào tiêu chí đánh giá, chấm điểm thi đua.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức về chuyển đổi số; đổi mới phương pháp, hình thức đào tạo theo hướng số hóa, trực tuyến, có đánh giá đầu ra gắn với tiêu chí thi đua, bổ nhiệm, quy hoạch cán bộ.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí chi thường xuyên, vốn kế hoạch đầu tư công để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo quy định bảo đảm tính khả thi, phù hợp với tiến độ thực hiện và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

4. Văn phòng UBND tỉnh.

- Chủ trì tham mưu triển khai nâng cao hiệu quả hoạt động của Hệ thống Công thông tin điện tử tỉnh, Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; triển khai các nhiệm vụ đẩy mạnh chuyển đổi số phục vụ công tác báo cáo, chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan nâng cao chất lượng hoạt động Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp; ứng dụng công nghệ số, triển khai các giải pháp phục vụ người dân, doanh nghiệp hiệu quả.

5. Công an tỉnh

- Tham mưu UBND tỉnh tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ tại Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/10/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Chủ trì tham mưu, hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc triển khai các nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng trên địa bàn tỉnh; tổ chức giám sát, phát hiện, cảnh báo và ứng phó sự cố; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Nghiên cứu triển khai mở rộng hệ thống camera giám sát an ninh trật tự và trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

6. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì triển khai ứng dụng các phần mềm và xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành về tài nguyên, môi trường, đất đai, nông nghiệp... trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, bảo đảm kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia, đáp ứng

nhu cầu quản lý, khai thác sử dụng của tỉnh.

- Hỗ trợ kết nối, tiêu thụ sản phẩm nông sản trên các sàn thương mại điện tử; Đào tạo về kỹ năng số cơ bản và nâng cao trong sản xuất và kinh doanh sản phẩm nông nghiệp.

- Cập nhật, triển khai bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, tiêu chí quốc gia về xóa đói giảm nghèo, đặc biệt cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi có các tiêu chí về phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

7. Sở Công Thương

- Tham mưu ban hành và triển khai các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch Phát triển thương mại điện tử tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026 - 2030.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh tham gia các khóa đào tạo, tập huấn để nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong xúc tiến thương mại, thương mại điện tử.

8. Báo và Phát thanh, Truyền hình Cao Bằng

- Tích cực đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; thiết lập và khai thác hiệu quả các kênh, công cụ truyền thông số. Xây dựng, duy trì các chuyên trang, chuyên mục; tăng thời lượng và tần suất phát sóng nhằm phổ biến chính sách, pháp luật, kiến thức về chuyển đổi số; lan tỏa các mô hình, câu chuyện tiêu biểu, tôn vinh tập thể và cá nhân điển hình trong thực hiện chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số theo hướng chuyên nghiệp, nhân văn, hiện đại; thực hiện tốt việc thông tin tuyên truyền phục vụ sự nghiệp cách mạng của Đảng, sự nghiệp đổi mới của đất nước; đảm bảo vai trò dẫn dắt, định hướng dư luận xã hội, giữ vững chủ quyền thông tin trên không gian mạng; đổi mới hiệu quả trải nghiệm của độc giả; tạo nguồn thu mới; thúc đẩy phát triển báo chí địa phương.

9. Các Sở, ban, ngành, UBND các xã, phường

- Căn cứ các nội dung Kế hoạch, ban hành kế hoạch chuyển đổi số năm 2026 của cơ quan, đơn vị, địa phương. Chủ động cân đối, bố trí nguồn lực, kinh phí tập trung triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể trong Kế hoạch.

- Chủ động thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này và Quyết định số 1139/QĐ-UBND ngày 09/7/2025 của UBND tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị và Chương trình hành động số 29-CTr/TU ngày 23 tháng 2 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao Bằng về đột phá, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Khoa học và Công nghệ và các Sở, ngành liên

quan trọng quá trình tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, kế hoạch đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng quy định.

- Phối hợp với Công an tỉnh trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng thuộc phạm vi quản lý; bố trí lực lượng, kinh phí; chấp hành kiểm tra, hướng dẫn và phối hợp với các cơ quan liên quan trong công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố.

- Chủ động nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc tổ chức, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện chuyển đổi số tại ngành mình, cấp mình; coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Đẩy mạnh triển khai tiếp nhận và xử lý hồ sơ trực tuyến trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

- Chủ trì triển khai các nền tảng, cơ sở dữ liệu chuyên ngành hoạt động hiệu quả, liên thông...

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo với UBND tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Chỉ đạo phát triển KH, CN, ĐMST, CDS và Đề án 06 tỉnh Cao Bằng;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình; Cổng TTĐT tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TPVX;
- Lưu: VT, VX_(MT)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Hải Hòa

Phụ lục:**DANH MỤC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ PHỤC VỤ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2026***(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 210 /KH-UBND ngày 27/01/2026 của UBND tỉnh Cao Bằng)*

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ quan chủ trì	Phân loại	Thời gian thực hiện	Dự kiến nguồn kinh phí để triển khai (triệu đồng)		Ghi chú
					Nguồn chi thường xuyên	Nguồn đầu tư công	
TỔNG CỘNG					169.317	90.000	
1	Thuê Hệ thống CNTT: Hệ thống quản lý thông quan xuất nhập khẩu hàng hóa chuyển đổi số tại các cửa khẩu	Ban Quản lý Khu Kinh tế	Mới	2026	2.500		
2	Thuê dịch vụ CNTT: Hệ thống Quản lý hoạt động đầu tư, xây dựng hạ tầng và thuê đất các khu kinh tế cửa khẩu	Ban Quản lý Khu Kinh tế	Mới	2026	1.500		
3	Đầu tư trang thiết bị CNTT, Hệ thống điều hành giám sát tại các cửa khẩu tỉnh Cao Bằng (Theo dõi điều hành giám sát Camera các khu cửa khẩu, Hệ thống phí hàng hóa xuất nhập khẩu, Phân tích các chỉ số về lưu lượng hàng hóa, xe ô tô qua cửa khẩu)	Ban Quản lý Khu Kinh tế	Mới	2026	1.200		
4	Nâng cấp Phần mềm CSDL công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Mới	2026	2.500		
5	Triển khai cơ sở dữ liệu ngành giáo dục và Quản lý hồ sơ giáo dục thuộc “Hệ sinh thái giáo dục thông minh tỉnh Cao Bằng”	Sở Giáo dục và Đào tạo	Mới	2026	3.300		

6	Nhiệm vụ thuê hạ tầng công nghệ thông tin, phần mềm vận hành cơ sở dữ liệu đất đai	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Mới	2026	3.000		
7	Xây dựng hệ thống quản lý và cung cấp thông tin trực tuyến về thời tiết và thiên tai trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Mới	2026	2.000		
8	Chỉnh lý và hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Mới	2026		60.000	
9	Số hóa tài liệu lưu trữ đất đai, khoáng sản và môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Mới	2026	15.000		
10	Mua sắm trang thiết bị số hóa hồ sơ ngành Tài chính	Sở Tài Chính	Mới	2026	500		
11	Nâng cấp Phần mềm cơ sở dữ liệu về giá tỉnh Cao Bằng	Sở Tài Chính	Mới	2026	400		
12	Thuê dịch vụ CNTT: Hệ thống quản lý dự án đầu tư	Sở Tài Chính	Mới	2026	1.600		
13	Thuê dịch vụ CNTT: Hệ thống quản lý Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tỉnh Cao Bằng.	Sở Tư pháp	Mới	2026	2.500		
14	Số hóa tài liệu lưu trữ tại Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng	Sở Tư pháp	Mới	2026	3.387		
15	Triển khai hệ thống thông tin nguồn và thu thập tổng hợp, phân tích, quản lý dữ liệu, đánh giá hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Mới	2026	3.000		
16	Số hóa di sản văn hóa phi vật thể trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Mới	2026	4.500		

17	Xây dựng Hệ thống thuyết minh đa phương tiện (Multi - Media guided)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Mới	2026	5.800		
18	Xây dựng cơ sở dữ liệu và bản đồ số du lịch tỉnh Cao Bằng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Mới	2026	6.000		
19	Duy trì, nâng cấp trang thông tin điện tử Công viên địa chất Non nước Cao Bằng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Mới	2026	2.500		
20	Thuê dịch vụ CNTT: hệ thống Camera giám sát và Wifi miễn phí tại điểm du lịch thác Bản Giốc	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Chuyển tiếp	2026	2.600		
21	Triển khai Hệ thống Camera giám sát, Hệ thống Wifi công cộng tại các Khu di tích, (Theo dõi điều hành giám sát các khu di tích lịch sử: Pác bó, Khu rừng Trần Hưng Đạo, Khu di tích Đông Khê)	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Mới	2026	5.000		
22	Thuê dịch vụ CNTT: Cổng thông tin điện tử du lịch thông minh tỉnh Cao Bằng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Mới	2026	1.600		
23	Thuê dịch vụ CNTT: Hệ thống quản lý đơn thư khiếu nại tố cáo, kiểm soát tài sản thu nhập tỉnh Cao Bằng	Thanh tra tỉnh	Mới	2026	2.000		
24	Thuê dịch vụ CNTT: Hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu thanh tra tỉnh Cao Bằng	Thanh tra tỉnh	Mới	2026	2.000		
25	Thuê đường truyền số liệu chuyên dùng phục vụ khôi phục thiết bị lưu khóa bí mật, kết nối hệ thống Chứng thực và giám sát chữ ký số chuyên dùng công vụ	Sở KH&CN	Mới	2026	111		
26	Chi phí quản trị, vận hành, bảo trì, phần mềm nền CSDL chuyên ngành	Sở KH&CN	Mới	2026	628		

27	Thuê dịch vụ CNTT: Hệ thống quản lý Công chức viên chức toàn tỉnh (Liên thông CSDL cán bộ CCVC Bộ Nội vụ)	Sở Nội Vụ	Chuyển tiếp	2026	1.000		
28	Thuê dịch vụ công nghệ thông tin Hệ thống chấm điểm cải cách hành chính tỉnh Cao Bằng	Sở Nội Vụ	Chuyển tiếp	2026	1.500		
29	Thuê dịch vụ CNTT: Hệ thống quản lý thi đua khen thưởng toàn tỉnh	Sở Nội Vụ	Mới	2026	1.500		
30	Thuê dịch vụ CNTT: Hệ thống quản lý hồ sơ lưu trữ điện tử tỉnh Cao Bằng	Sở Nội Vụ	Mới	2026	2.610		
31	Thuê dịch vụ CNTT: Hệ thống quản lý thông tin công trình xây dựng và quản lý hạ tầng đô thị	Sở Xây dựng	Mới	2026	2.500		
32	Thuê dịch vụ CNTT: Hệ thống thông tin quy hoạch xây dựng kiến trúc tỉnh Cao Bằng	Sở Xây dựng	Mới	2026	2.500		
33	Thuê dịch vụ CNTT: Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Cao Bằng	Văn phòng UBND tỉnh	Mới	2026	1.500		
34	Thuê dịch vụ CNTT: Hệ thống Cổng thông tin điện tử tỉnh Cao Bằng	Văn phòng UBND tỉnh	Mới	2026	2.400		
35	Thuê dịch vụ CNTT: Hệ thống giám sát an toàn thông tin	Công an tỉnh	Mới	2026	5.000		
36	Triển khai công tác bảo đảm an ninh, an toàn thông tin mạng các CSDL, hệ thống thông tin các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh	Công an tỉnh	Mới	2026	500		
37	Thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin theo kế hoạch ứng phó sự cố an toàn thông tin	Công an tỉnh	Mới	2026	300		
38	Tham gia các khóa đào tạo về an ninh mạng, an toàn thông tin mạng	Công an tỉnh	Mới	2026	100		

39	Kinh phí đảm bảo hoạt động của Tiểu ban an toàn thông tin mạng, an ninh mạng tỉnh Cao Bằng	Công an tỉnh	Mới	2026	500		
40	Thuê dịch vụ CNTT: Hệ thống Cồng dữ liệu và Kho dữ liệu dùng chung tỉnh Cao Bằng	Sở KH&CN	Chuyển tiếp	2026	2.906		
41	Thuê dịch vụ CNTT: Hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Cao Bằng	Sở KH&CN	Mới	2026	1.400		
42	Thuê máy chủ bảo mật phục vụ kết nối Hệ thống Quản lý văn bản điều hành, HTTT giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh với Văn phòng Chính phủ	Sở KH&CN	Mới	2026	90		
43	Phổ cập kỹ năng, chuyển đổi, nâng cao nhận thức, tuyên truyền về CDS; phát triển nguồn nhân lực CDS; Hoạt động truyền thông ngày CDS; Triển khai Kế hoạch chuyển đổi Ipv6 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	Sở KH&CN	Mới	2026	1.500		
44	Thuê dịch vụ CNTT: Nền tảng phân tích, tích hợp, xử lý dữ liệu tổng hợp tỉnh Cao Bằng	Sở KH&CN	Mới	2026	2.500		
45	Thuê dịch vụ CNTT: Nền tảng điện toán đám mây phục vụ phát triển Chính quyền số, chuyển đổi số tỉnh Cao Bằng	Sở KH&CN	Mới	2026	3.000		
46	Thuê dịch vụ CNTT: Nền tảng công dân số tỉnh Cao Bằng	Sở KH&CN	Mới	2026	1.800		
47	Thuê dịch vụ CNTT: Hệ thống theo dõi, đánh giá, chấm điểm chỉ số chuyển đổi số tỉnh Cao Bằng (DTI)	Sở KH&CN	Mới	2026	600		
48	Thuê dịch vụ CNTT: Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh Cao Bằng (LGSP)	Sở KH&CN	Mới	2026	2.800		

49	Thuê dịch vụ CNTT: Nền tảng hoạt động Trung tâm điều hành thông minh tỉnh Cao Bằng (IOC)	Sở KH&CN	Mới	2026	2.600		
50	Dự án: Đầu tư, xây dựng hạ tầng thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	Sở KH&CN	Mới	2026		30.000	
51	Triển khai chuyển đổi số phát triển Hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	Liên minh Hợp tác xã	Mới	2026	1.590		
52	Đầu tư trang thiết bị và lưu trữ nội dung số	Báo và Phát thanh, Truyền hình Cao Bằng	Mới	2026	8.181		
53	Xây dựng hệ thống quản lý, sản xuất các loại hình báo chí	Báo và Phát thanh, Truyền hình Cao Bằng	Mới	2026	9.776		
54	Hồ sơ bệnh án điện tử tại các đơn vị trực thuộc Sở Y tế (cơ sở khám bệnh, chữa bệnh) trên địa bàn tỉnh Cao Bằng	Sở Y tế	Chuyển tiếp	2026	23.431		
55	Thuê dịch vụ CNTT: Trung tâm Y tế thông minh (Trung tâm điều hành y tế HOC)	Sở Y tế	Mới	2026	1.826		
56	Thuê dịch vụ CNTT: Nền tảng tư vấn khám chữa bệnh từ xa đến cấp xã trên địa bàn tỉnh	Sở Y tế	Chuyển tiếp	2026	2.134		
57	Thuê dịch vụ CNTT: Nền tảng trạm y tế xã HMIS	Sở Y tế	Chuyển tiếp	2026	1.787		
58	Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ kỳ họp HĐND, phiên họp Thường trực HĐND, cuộc họp của các Ban HĐND tỉnh Cao Bằng - Hợp không giấy	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	Mới	2026	1.200		
59	Thuê Dịch vụ trực tuyến về đăng ký, quản lý và tổ chức thi, xét tuyển sinh cho học sinh đầu cấp	Sở Giáo dục và Đào tạo	Mới	2026	1.360		

60	Triển khai, duy trì hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến từ tỉnh đến cấp xã	Sở KH&CN	Chuyển tiếp	2026	1.800		
----	---	----------	-------------	------	-------	--	--